

Số: /2026/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường
tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng
01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ
môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về
kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4
năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức,
hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng
01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi
trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng
01 năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định
kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng
môi trường;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1153/TTr-SNNMT ngày 19/7/2026 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 168/BCTĐ-STP ngày 15/7/2026 của Sở Tư pháp);

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- Thường trực Tỉnh ủy
- Thường trực HĐND tỉnh
- Chủ tịch UBND tỉnh
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

} (để b/c);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục; trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân trong quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhà nước, gồm: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường nơi có lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục.

b) Đơn vị được giao quản lý, vận hành các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục do Nhà nước đầu tư trên địa bàn tỉnh.

c) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải lắp đặt trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trạm cơ sở là hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục do tổ chức, cá nhân đầu tư, lắp đặt, quản lý, vận hành và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Trạm nhà nước là hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục do Nhà nước đầu tư, lắp đặt, quản lý, vận hành để phục vụ công tác theo dõi, giám sát chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Trung tâm điều hành là hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, máy chủ và cơ sở dữ liệu phục vụ việc tiếp nhận, lưu trữ, quản lý, theo dõi, giám sát dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ cơ sở là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải lắp đặt, quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương II

YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục

1. Hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục phải bảo đảm đo, lưu trữ và truyền dữ liệu tự động, liên tục 24/24 giờ đối với các thông số môi trường theo thời gian thực; dữ liệu truyền về cơ quan tiếp nhận phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, tin cậy và không bị gián đoạn.

2. Yêu cầu kỹ thuật, tính năng và thành phần cơ bản của hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục phải tuân thủ quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Điều 4. An toàn hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục

Hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục phải bảo đảm an toàn thiết bị, hạ tầng kỹ thuật và duy trì vận hành ổn định, liên tục.

1. Hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục phải được trang bị nguồn điện ổn định, bộ lưu điện hoặc thiết bị cấp điện dự phòng phù hợp nhằm bảo đảm duy trì hoạt động liên tục khi xảy ra sự cố mất điện lưới.

2. Hệ thống phải được lắp đặt thiết bị chống sét, chống quá áp và áp dụng các biện pháp kỹ thuật cần thiết nhằm phòng ngừa hư hỏng, sự cố do tác động của điều kiện tự nhiên.

3. Thiết bị quan trắc phải được lắp đặt trong nhà trạm hoặc kết cấu bảo vệ phù hợp, bảo đảm khả năng chống chịu tác động của thời tiết, môi trường xung quanh và ngăn ngừa sự can thiệp trái phép từ bên ngoài.

4. Nhà trạm quan trắc phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Bảo mật và tính toàn vẹn dữ liệu quan trắc

1. Việc tiếp nhận, truyền, lưu giữ, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

2. Dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường phải bảo đảm đầy đủ, kịp thời, liên tục, đúng định dạng, đúng phương thức truyền nhận và không bị can thiệp, chỉnh sửa, làm sai lệch trước khi truyền.

3. Sau khi hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục đi vào hoạt động chính thức, thiết bị data logger phải được kiểm soát truy cập bằng tài khoản và mật khẩu, các cổng kết nối phải được niêm phong. Tài khoản, mật khẩu tối cao (Admin, Host, Superhost, Master, Supervisor) của data logger phải được cung cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện việc quản lý, kiểm soát các cổng kết nối, cấu hình và quá trình nâng cấp phần mềm điều khiển (firmware) của data logger theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

4. Chủ cơ sở và đơn vị vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục chịu trách nhiệm về bảo mật, tính toàn vẹn của dữ liệu, tài khoản truy cập máy chủ, địa chỉ truyền dữ liệu và các thông tin phục vụ truyền nhận dữ liệu theo quy định.

5. Việc cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tiếp cận thông tin, an toàn thông tin mạng và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Chương III

QUẢN LÝ DỮ LIỆU QUAN TRẮC, GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC

Điều 6. Quản lý dữ liệu

1. Dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục sau khi tiếp nhận tại Sở Nông nghiệp và Môi trường phải được lưu trữ, quản lý, đánh giá và phân loại (dữ liệu hợp lệ, dữ liệu không hợp lệ) để phục vụ công tác quản lý, công bố thông tin, cảnh báo chủ cơ sở và thực hiện xác minh, đối chiếu khi cần thiết.

2. Các trường hợp áp dụng hình thức cảnh báo đối với chủ cơ sở gồm:

a) Hình ảnh từ camera giám sát có dấu hiệu bất thường như: Màu nước thải thay đổi đột ngột, xuất hiện bọt, váng, khói hoặc dấu hiệu bất thường; camera mất kết nối thường xuyên, quay sai hướng, bị che khuất hoặc có dấu hiệu can thiệp.

b) Việc truyền dữ liệu từ trạm cơ sở về Trung tâm điều hành bị gián đoạn quá 12 giờ.

c) Dữ liệu quan trắc có dấu hiệu bất thường, gồm: Giá trị đo vượt giới hạn đo của thiết bị; giá trị không thay đổi trong thời gian dài bất thường; giá trị

tăng, giảm đột ngột không phù hợp với quy luật; phát sinh giá trị đo khi hệ thống không vận hành; dữ liệu phát sinh trong thời gian hiệu chuẩn, bảo trì; mất dữ liệu theo chu kỳ, dữ liệu không liên tục hoặc lỗi thiết bị lặp lại nhiều lần, kéo dài.

3. Trường hợp dữ liệu trung bình ngày vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành, Trung tâm Quan trắc môi trường và Chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Phòng Môi trường) chậm nhất trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện để xem xét, chỉ đạo kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định.

4. Dữ liệu quan trắc có dấu hiệu không hợp lệ phải được kiểm tra, xác minh, phân loại và lưu giữ hồ sơ theo quy định. Việc sử dụng dữ liệu quan trắc phục vụ theo dõi, cảnh báo, đánh giá việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và xử lý vi phạm được thực hiện trên cơ sở kết quả xác minh, đối chiếu và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Công khai, công bố thông tin

1. Việc công khai, chia sẻ và công bố dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục của trạm cơ sở được thực hiện theo quy định tại Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); theo đó, cơ sở phải công khai kết quả quan trắc chất thải tự động, liên tục (bao gồm nội dung so sánh với giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm được cấp phép) trên trang thông tin điện tử của cơ sở hoặc bảng thông tin điện tử đặt tại cổng dự án, cơ sở. Vị trí công khai phải thuận tiện cho người dân theo dõi, giám sát; kết quả quan trắc phải được công khai ngay sau khi có kết quả và duy trì công khai liên tục trong thời gian tối thiểu 30 ngày.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện công khai kết quả quan trắc của các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục do Nhà nước đầu tư trên Cổng thông tin điện tử của Sở. Kết quả quan trắc được công khai ngay sau khi có dữ liệu và duy trì công khai trong thời gian tối thiểu 30 ngày.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh.

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường giao Phòng Môi trường tham mưu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh; theo dõi, đôn đốc các chủ cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Quan trắc môi trường và Chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp - Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trung tâm Quan trắc môi trường) và các đơn vị liên quan kiểm tra hồ sơ, điều kiện kỹ thuật và kết quả kết nối, truyền số liệu của hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục; tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp tài khoản FTP trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kết nối, truyền số liệu của chủ cơ sở và ban hành văn bản thông báo đã hoàn thành việc kết nối, truyền số liệu ngay sau khi hoàn thành việc kết nối, truyền số liệu theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Quan trắc môi trường xác minh, tham mưu xử lý đối với trường hợp dữ liệu quan trắc trung bình ngày vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, dữ liệu có dấu hiệu bất thường, gián đoạn truyền dữ liệu kéo dài, không thực hiện quan trắc thay thế theo quy định hoặc có dấu hiệu can thiệp, làm sai lệch dữ liệu quan trắc.

- Tổng hợp, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về tình hình quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định.

b) Trung tâm Quan trắc môi trường và Chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp - Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

- Quản lý, vận hành hệ thống do Nhà nước đầu tư: Tổ chức quản lý, vận hành Trung tâm điều hành và các hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục do Nhà nước đầu tư được giao quản lý, bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục, đúng quy định. Thực hiện kiểm tra kỹ thuật, kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị, phụ kiện, vật tư tiêu hao đối với các hệ thống quan trắc do Nhà nước đầu tư theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và các quy định của pháp luật có liên quan; lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo quy định.

- Phối hợp kiểm tra, kết nối và truyền số liệu của trạm cơ sở: Phối hợp với Phòng Môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra hồ sơ, hiện trạng lắp đặt, cấu hình truyền nhận dữ liệu, camera giám sát, máy lấy mẫu tự động, data logger và các điều kiện kỹ thuật của trạm cơ sở; thực hiện hỗ trợ kỹ thuật, thiết lập kết nối, kiểm tra kết quả truyền số liệu và báo cáo Phòng Môi trường để tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản thông báo đã hoàn thành việc kết nối, truyền số liệu theo quy định. Trung tâm Quan trắc môi

trường chịu trách nhiệm về nội dung đánh giá kỹ thuật, khả năng kết nối, truyền nhận và lưu trữ dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Giám sát hoạt động các trạm cơ sở:

+ Giám sát hoạt động các trạm cơ sở thông qua hệ thống camera, phần mềm chuyên dụng và dữ liệu truyền về Trung tâm điều hành; kịp thời phát hiện, ghi nhận thông tin, cảnh báo, đơn đốc chủ cơ sở khắc phục sự cố, dữ liệu bất thường, gián đoạn truyền dữ liệu và các trường hợp phải quan trắc thay thế theo quy định.

+ Theo dõi, tổng hợp kết quả quan trắc thay thế do chủ cơ sở thực hiện trong trường hợp hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục ngừng hoạt động từ 48 giờ trở lên, thiết bị chưa đủ điều kiện vận hành hoặc dữ liệu không bảo đảm tính hợp lệ, tin cậy theo quy định; đơn đốc chủ cơ sở gửi báo cáo, kết quả quan trắc thay thế để phục vụ công tác theo dõi, giám sát, quản lý.

+ Trường hợp kết quả quan trắc thay thế có thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chủ cơ sở không thực hiện quan trắc thay thế theo quy định hoặc phát sinh vấn đề cần xử lý, Trung tâm Quan trắc môi trường tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, chỉ đạo.

- Báo cáo, phối hợp kiểm tra, xác minh dữ liệu vượt quy chuẩn, dữ liệu bất thường: Trường hợp dữ liệu quan trắc trung bình ngày vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành hoặc dữ liệu có dấu hiệu bất thường, Trung tâm Quan trắc môi trường có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Phòng Môi trường) chậm nhất trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện; thực hiện điều khiển thiết bị lấy mẫu tự động từ xa đối với nước thải khi có đủ điều kiện kỹ thuật; thu mẫu, đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu môi trường theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc theo chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Kết quả đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu của Trung tâm Quan trắc môi trường được báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Phòng Môi trường) để phục vụ công tác kiểm tra, xác minh, tham mưu xử lý theo quy định. Trường hợp không thu hoặc không lấy được mẫu lưu giữ thì phải nêu rõ nguyên nhân trong báo cáo.

- Quản trị, vận hành hạ tầng tiếp nhận và quản lý dữ liệu: Quản trị hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, máy chủ, cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường; quản lý kết nối, tài khoản truy cập, địa chỉ truyền dữ liệu, sao lưu, dự phòng, phục hồi dữ liệu; tiếp nhận, quản lý tài khoản, mật khẩu tối cao của data logger, quản lý địa chỉ truy cập camera, máy lấy mẫu tự động từ xa theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và khoản 4 Điều 39 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

- Hỗ trợ kỹ thuật, kết nối và truyền nhận dữ liệu: Hướng dẫn, hỗ trợ chủ cơ sở thiết lập, duy trì đường truyền, khắc phục sự cố về kết nối mạng, phần mềm

quản lý dữ liệu quan trắc; đề xuất phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý nhà nước.

- Chế độ thông tin, báo cáo và công khai dữ liệu: Tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình quản lý, vận hành các hệ thống quan trắc do Nhà nước đầu tư; tình hình truyền nhận, quản lý dữ liệu quan trắc từ các trạm cơ sở; thực hiện công khai kết quả quan trắc đối với các trạm do Nhà nước đầu tư theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

- Tham mưu nhiệm vụ khác: Tham mưu đề xuất giải pháp kỹ thuật, phương án khắc phục tồn tại, nâng cấp, mở rộng hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục do Nhà nước đầu tư và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra công tác kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị quan trắc môi trường tự động, liên tục theo chức năng, nhiệm vụ và quy định hiện hành của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

3. Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục do Nhà nước đầu tư và nhiệm vụ quản lý nhà nước có liên quan theo khả năng cân đối ngân sách, phân cấp ngân sách hiện hành và quy định của pháp luật.

4. Sở Công Thương phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đôn đốc các chủ cơ sở trong cụm công nghiệp và các cơ sở thuộc lĩnh vực quản lý thực hiện lắp đặt, vận hành, truyền dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định; phối hợp kiểm tra, xử lý sự cố phát sinh khi có yêu cầu.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đôn đốc các chủ cơ sở trong khu kinh tế, khu công nghiệp thực hiện lắp đặt, vận hành, truyền dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định; phối hợp kiểm tra, xử lý sự cố phát sinh trong phạm vi quản lý.

6. Công an tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường liên quan đến hoạt động quan trắc môi trường tự động, liên tục, nhất là hành vi lắp đặt thiết bị, sử dụng phần mềm, phương thức kỹ thuật để truy cập, can thiệp, làm sai lệch dữ liệu quan trắc.

7. UBND các xã, phường có trách nhiệm phối hợp bảo vệ các hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục do Nhà nước đầu tư trên địa bàn; phối hợp nắm bắt, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quan trắc môi trường tự động, liên tục; phối hợp kiểm tra, đôn đốc chủ cơ sở trên địa bàn thực hiện Quy chế này khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 9. Công tác kiểm tra, giám sát

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Nội dung kiểm tra, giám sát gồm:

a) Việc đầu tư, lắp đặt, quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục theo hồ sơ môi trường, giấy phép môi trường và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Điều kiện kỹ thuật phục vụ vận hành hệ thống, gồm: Vị trí lắp đặt, thiết bị đo, thiết bị lấy mẫu, camera giám sát, data logger, nguồn điện, thiết bị lưu điện, chống sét, nhà trạm, hệ thống truyền nhận dữ liệu và các hạng mục phụ trợ khác.

c) Hồ sơ quản lý, vận hành hệ thống, gồm: Hồ sơ thiết kế, lắp đặt, nghiệm thu; nhật ký vận hành; hồ sơ kiểm tra kỹ thuật, kiểm định, hiệu chuẩn; hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị, phụ kiện, vật tư tiêu hao; hồ sơ xử lý sự cố, gián đoạn truyền dữ liệu và quan trắc thay thế.

d) Việc truyền, nhận, lưu giữ, quản lý dữ liệu quan trắc, việc bảo đảm tính đầy đủ, liên tục, chính xác, bảo mật và toàn vẹn của dữ liệu theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

đ) Việc quản lý, kiểm soát data logger, tài khoản, mật khẩu tối cao, niêm phong cổng kết nối, cấu hình và quá trình nâng cấp phần mềm điều khiển theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

e) Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, quan trắc thay thế, lấy mẫu đối chứng, lấy mẫu kiểm chứng, công khai kết quả quan trắc và các yêu cầu khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Kết quả kiểm tra, giám sát phải được lập thành biên bản hoặc văn bản theo quy định; trong đó xác định rõ nội dung đã kiểm tra, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan và yêu cầu khắc phục. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm thì xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển

khai thực hiện Quy chế này; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao tại Quy chế này để tổ chức thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung không còn phù hợp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.